

Số: 13/KHCM-THNN

Nậm Ngám, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH

Hoạt động chuyên môn, Năm học: 2025-2026

I, CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Bộ Chính trị “ Về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính Trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em Mầm non, học sinh Tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020; định hướng năm 2025”;

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình giáo dục Phổ thông 2018

Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn CSVC các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT và các trường phổ thông có nhiều cấp học:

Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 Ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đánh giá học sinh Tiểu học theo CTGDĐT 2018:

Văn bản số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp Tiểu học

Căn cứ văn bản số 2616/SGDĐT-GDMNTH ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên; V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026:

Công văn số 852/SGDĐT-CM ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Sở GD&ĐT

tỉnh Điện Biên V/v quy định các loại HSSS từ năm học 2021-2022;

Căn cứ kế hoạch số 12/KHNH-THNN, ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng trường PTDTBT TH Nậm Ngám về việc thực hiện kế hoạch giáo dục, năm học 2025-2026;

Đề hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học theo các văn bản chỉ đạo của các cấp quản lý. Chuyên môn trường PTDTBT TH Nậm Ngám xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 với nội dung cụ thể như sau:

II. ĐẶC ĐIỂM

1 - Đặc điểm năm học:

- Năm học 2025-2026 là năm tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 hội nghị trung ương 8 khóa XI của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa. Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ CT tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính Trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

- Năm học thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1, 2 , 3, 4, 5

- Củng cố, nâng cao kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, kết quả xóa mù chữ; tăng cường công tác phân luồng, tư vấn hướng nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông; đa dạng hóa hình thức học tập đáp ứng nhu cầu nâng cao hiểu biết và tạo cơ hội học tập suốt đời cho người dân

- Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học và luyện kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn cho học sinh.

- Củng cố kết quả các cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục.

- Tăng cường giáo dục kỹ năng sống, giáo dục pháp luật. Lồng ghép giáo dục ANQP, KNS, GDĐP, ATGT... vào các môn học. Lồng ghép tiếng dân tộc vào tiếng Việt. Thực hiện chương trình tăng cường tiếng Việt cho học sinh lớp 1 với thời lượng 72 tiết. Phối hợp hiệu quả giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục HS.

- Đưa nội dung giáo dục văn hóa truyền thống, giáo dục thông qua di sản vào nhà trường thông qua các hoạt động ngoại khóa, giao lưu và các trò chơi dân gian...

- Tiếp tục thực hiện sáng tạo các nội dung của hoạt động thi đua. Tăng cường thực hiện có hiệu quả cuộc vận động và các phong trào:

+ Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- + Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo.
- + Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.
- Cuộc vận động hai không với 4 nội dung:
 - + Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục.
 - + Nói không với vi phạm đạo đức Nhà giáo và học sinh ngồi nhầm lớp.
- Tiếp tục triển khai dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng phù hợp với từng đối tượng học sinh, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá các môn học tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới công tác quản lý trong dạy và học.

*** Thực hiện kế hoạch thời gian năm học:**

+ Học kì 1, tuần 1 từ ngày 08/9/2025 kết thúc ngày 09/01/2026 (có 18 tuần thực học; còn lại dành cho các hoạt động khác).

+ Học kì 2, bắt đầu thực hiện tuần 19 từ ngày 12/01/2026 hoàn thành KHGD ngày 22/5/2026 (có 17 tuần thực học; còn lại dành cho các HĐ khác).

- **Tình hình đội ngũ** : Tổng số giáo viên: 23 Nữ: 16 Dân tộc: 12 Nữ: 09.

Ban giám hiệu: 3 Nữ: 01 Dân tộc: 0

Đoàn đội 0; Thư viện thiết bị: 1

Tổng số GV là Đảng viên: 21

* Chia ra trình độ đào tạo của GV: Đại học: 22, Cao đẳng: 01, THSP: 0

2- Thuận lợi:

- Năm học 2025-2026 nhà trường tiếp tục thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với tất cả các khối lớp 1, 2, 3, 4, 5

- Nhà trường đã nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đến công tác Giáo dục, đã có nhiều chính sách ưu đãi hỗ trợ cho người dạy và người học. Chế độ trợ cấp gạo, trợ cấp kinh theo nghị định 66/2025/NĐ-CP để sinh hoạt cho học sinh bán trú.

- Luôn được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của UBND xã Pu Nhi, Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên.

- Đội ngũ giáo viên tương đối trẻ, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công tác giảng dạy và thương yêu học sinh. Có trình độ chuyên môn khá và tốt.

- Cơ sở vật chất: đã được trang bị tương đối đủ lớp học, trang thiết bị tương đối đảm bảo, tất cả các em học sinh đều có đủ sách giáo khoa, đồ dùng học tập và vở viết theo quy định.

- Cơ sở vật chất khu trung tâm của nhà trường khang trang, sạch đẹp. Tuy nhiên các phòng chức năng, phòng nội trú vẫn còn thiếu và chưa đảm bảo.

- Tỷ lệ CBQL và GV tham gia học tập bồi dưỡng thường xuyên đạt 100% .
- Trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học tương đối đầy đủ.

3- Khó khăn:

- Nhân dân và học sinh trên địa bàn nhà trường 100% là người dân tộc, một số có trình độ dân trí thấp, chưa quan tâm đến việc học tập của con em mình.
- Nhà trường chưa có đủ số phòng chức năng theo quy định của CTGDPT 2018. Tỷ lệ giáo viên Tiếng Anh thiếu không đáp ứng đủ nhu cầu học tập theo quy định (Thừa 07 tiết so với định mức).
- Một số PHHS chưa có sự đầu tư cho con em mình trong công tác giáo dục. Còn phó mặc việc học tập của con em mình cho nhà trường.
- Một số giáo viên còn hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ, tuy đã được chuẩn hóa về trình độ nhưng năng lực chuyên môn hạn chế nên ảnh hưởng tới việc nâng cao chất lượng dạy và học. Việc vận dụng phương pháp dạy học mới còn nhiều lúng túng, chưa khoa học.
- Đầu vào lớp 1 có chất lượng còn hạn chế, việc giao tiếp bằng tiếng phổ thông còn nhiều hạn chế mặc dù các em đó được học qua lớp mẫu giáo và đã được học tăng cường tiếng Việt với thời lượng 72 tiết.
- Điều kiện học tập của học sinh ở một số thôn bản chưa đảm bảo. Đa số các em ít được đầu tư về vật chất, thời gian cho học tập nên chất lượng HS chưa cao.
- Vào các tháng làm nương rẫy tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần bị hạn chế do một số em theo gia đình đi làm nương rẫy cùng bố mẹ...
- Phụ huynh học sinh đi làm tại các công ty nên phó mặc con cho ông bà, nên việc liên lạc, thông tin và sự quan tâm đến học sinh còn khó khăn.
- Một số già làng trưởng bản chưa thực sự quan tâm đến công tác giáo dục nên việc huy động HS còn gặp nhiều khó khăn.
- Sân chơi bãi tập còn hẹp chưa đủ diện tích và không đảm bảo an toàn cho các em học tập và vui chơi.

3, Những tồn tại của năm học trước ở các nội dung sau:

*** Việc duy trì số lượng học sinh,**

- Số lượng HS các khối lớp vẫn còn hiện tượng một số em nghỉ học không có lí do. Một số em gia đình không tạo điều kiện cho các em đến lớp, phải đi làm việc giúp gia đình...

4, Xếp loại thi đua năm học: 2024-2025.

- **Tập thể:** Nhà trường được UBND huyện công nhận HTTNV và đạt danh hiệu tập thể LĐTT

- Các chỉ tiêu thi đua như: UBND huyện ĐBĐ tặng giấy khen; LĐTT; CSTĐ cấp cơ sở và LĐLĐ đều đạt theo kế hoạch đặc đăng ký

+ Chi bộ đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh.

- Danh hiệu thi đua của cá nhân.

TT	Họ và tên	Danh hiệu thi đua và khen thưởng			
		KHEN THƯỞNG	CSTĐ	LĐTT	HTNV
1	Hoàng Thị Hoài		x	x	
2	Lương Thị Nhung	x		x	
3	Lê Thị Xuyên			x	
4	Quàng Văn Phụng		x	x	
5	Lò Thị Thu			x	
6	Nguyễn Trọng Tấn		x	x	
7	Lù Thị Thoa			x	
8	Lò Thị Mai	x		x	
9	Lò Thị Hoàn	x		x	
10	Lò Văn Chiên				x
11	Dương Kim Thoa			x	
12	Lò Thị Bình		x	x	
13	Nguyễn Sỹ Toàn			x	
14	Hoàng Văn Oanh	x		x	
15	Triệu Thị Cúc			x	
16	Trần Ngọc Tuấn	x		x	
17	Hoàng Thị Hoa	x		x	
18	Đỗ Thị Kim Thoa			x	
19	Lò Thị Tim			x	
20	Đình Văn Đức		x	x	
21	Lò Văn Nam		x	x	
22	Vì Thị Mai	x		x	

23	Nguyễn Thị Minh	x		x	
24	Lò Thị Hương			x	
25	Nguyễn Đức Long	x		x	
26	Trương Thúy Hạnh			x	
27	Nguyễn Thị Tuyết			x	
28	Đỗ Thị Minh			x	
29	Đào Thị Thu Hà			x	
30	Ngọc Thị Phương			x	

5, Về cơ sở vật chất: số phòng học, bàn ghế GV và HS đúng quy cách, thư viện, phòng chức năng, số bộ đồ dùng đồng bộ/số lớp).

- Số phòng học đang sử dụng: (13 phòng trong đó có 02 phòng kiên cố và 11 phòng bán kiên cố). Trang bị đủ bàn ghế theo đúng quy định về kích cỡ

6, Các tiêu chí về trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia (đã đạt, nguyên nhân các tiêu chí chưa đạt).

- Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường: Đạt

- Tiêu chuẩn 2: Cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh: Đạt

+ Cần có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho các giáo viên, phần đầu cuối năm có 90% giáo viên được xếp loại khá, giỏi về bồi dưỡng thường xuyên, trong đó có ít nhất 20% giáo viên được xếp loại giỏi về bồi dưỡng thường xuyên, không có giáo viên không hoàn thành kế hoạch.

- Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học: Đạt

- Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa Nhà trường, gia đình và xã hội: Đạt

- Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục: Đạt

+ Tăng cường hơn nữa kết quả học tập và chuyên môn giáo viên ngày một nâng cao nhằm đảm bảo và duy trì chỉ tiêu của trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

7, Công tác xã hội hoá giáo dục, khuyến học của địa phương.

* Ưu điểm: Duy trì và thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục. Nhà trường kết hợp cùng chính quyền và nhân dân địa phương tập trung mọi nguồn lực đầu tư xây dựng CSVC, huy động học sinh đến lớp.

* Tồn tại: Nhà trường còn gặp nhiều khó khăn trong việc huy động các nguồn lực XHH và nhân dân để xây dựng các hệ thống CSVC.

III- MỤC TIÊU - KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2025-2026

1- Mục tiêu duy trì học sinh của nhà trường.

a- Duy trì số lượng học sinh:

- Số trẻ 6 tuổi học lớp 1: 58/58 em TS trẻ 6 tuổi phải phổ cập, đạt 100%
- Số trẻ 7 tuổi học lớp 2: 80/80 em TS trẻ 7 tuổi phải phổ cập, đạt 100%
- Số trẻ 8 tuổi học lớp 3: 70/70 em TS trẻ 8 tuổi phải phổ cập, đạt 100%
- Số trẻ 9 tuổi học lớp 4: 59/59 em TS trẻ 9 tuổi phải phổ cập, đạt 100%
- Số trẻ 10 tuổi học lớp 5: 61/61 em TS trẻ 10 tuổi phải phổ cập, đạt 100%

b- Số lớp, học sinh toàn trường

- Năm học 2025-2026 toàn trường có 13 lớp = 328 học sinh. Cụ thể:

Khối	Số lớp	Số học sinh	Dân tộc	Nữ		HS diện chính sách		
				TS	DT	HSKT	HS bán trú	HSCS
I	3	58	57	30	29	0	34	57
II	3	80	80	34	34	1	46	80
III	3	70	69	32	31	1	37	70
IV	2	59	59	32	32	3	51	59
V	2	61	60	29	28	2	56	61
TS	13	328	325	157	154	7	114	327

c- Mục tiêu chính nhằm đạt (hoặc duy trì) phổ cập GDTH - ĐĐT.

- Số trẻ 6 tuổi huy động vào học lớp 1 đạt 58/58 em đạt 100%.
- Số trẻ 11 tuổi được công nhận hoàn thành chương trình TH: 61/61 đạt 100%

d- Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn các cấp

- Thực hiện sinh hoạt CM 02 buổi/tháng. Mỗi buổi 03 tiết, mỗi tiết 45 phút,
- + Tuần 02 của tháng sinh hoạt chuyên môn cấp trường.
- + Tuần 03 của tháng sinh hoạt chuyên môn cấp tổ.
- Nội dung sinh hoạt CM tập trung nghiên cứu chương trình GDPT tổng thể, chương trình môn học. Cần đặc biệt quan tâm đến các giải pháp và kinh nghiệm hay trong việc nâng cao chất lượng học sinh.

2- Đội ngũ giáo viên:

	Tổng số	Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên
Tổng số	30	3	23	4
Dân tộc	16	02	13	1
Nữ	22	1	17	4
Nữ dân tộc	11	1	09	1

Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,7			
Trình độ đào tạo				
- Đại học, trên Đại học	28	3	22	3
- Cao đẳng	1	0	1	0
- Trung cấp	1	0	0	1
- Chưa qua đào tạo	0	0	0	0
Trình độ TCLLCT	3	3	0	0
Trình độ QLNN	3	3	0	0

a. Xếp loại chuyên môn đội ngũ.

- Xếp loại về chuyên môn nghiệp vụ.

+ Tốt: 18/23 đạt 78,3%; Khá: 5/23 đạt: 21,7%; Đạt yêu cầu: 0

+ Giáo viên giỏi các cấp: - Cấp trường: 18/23 đạt 78,3%.

- Cấp xã: 5/23 đạt 21,7%.

- Xếp loại hồ sơ: + BGH: Tốt 3 bộ đạt 100%.

+ Tổ trưởng: Có 5/5 bộ hồ sơ tốt đạt 100%.

+ Giáo viên: Tốt: 18/23 đạt 78,3%; Khá: 5/23 đạt: 21,7%;

- Số đồ dùng dạy học làm thêm: 9 bộ đồ dùng/năm.

b. Công tác bồi dưỡng giáo viên:

- Công tác bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ.

+ Tăng cường việc bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên trong cả năm học.

+ Phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng sư phạm.

- Nhà trường luôn tạo điều kiện giúp đội ngũ nâng cao về nhận thức về tư tưởng chính trị, về mục tiêu đổi mới chương trình sách giáo khoa; nắm vững các kiến thức, kỹ năng, thái độ và vận dụng có hiệu quả vào quá trình dạy học; nắm được các yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục, thực hiện các quy chế chuyên môn, kiểm tra đánh giá kết quả giảng dạy, học tập của giáo viên, học sinh.

- Tham dự các đợt bồi dưỡng giáo viên do Phòng giáo dục tổ chức, thao giảng và dự giờ theo quy định, họp chuyên môn tập trung vào nội dung nghiên cứu bài học theo văn bản số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ giáo dục và đào tạo về HD sinh hoạt CM thực hiện CTGDPT cấp Tiểu học.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục dựa vào văn bản số 2345/BGD&ĐT ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường;

3, Kết quả dạy và học năm học 2025-2026. (Các chỉ tiêu, tỉ lệ%)

* Khối 1, 2, 3:

Khối lớp	Khối 1						Khối 2						Khối 3						Tổng cộng					
Tổng số HS	58						80						70						208					
<i>HS KT</i>	0						1						1						2					
<i>HS được đánh giá</i>	58						79						69						206					
Phẩm chất	<i>Mức đạt được</i>						<i>Mức đạt được</i>						<i>Mức đạt được</i>											
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Yêu nước	26	44,8	32	55,2	0	0,0	40	50,6	39	49,4	0	0,0	39	56,5	30	43,5	0	0,0	105	51	101	49,3	0	0,0
2. Nhân ái	26	44,8	32	55,2	0	0,0	40	50,6	39	49,4	0	0,0	39	56,5	30	43,5	0	0,0	105	51	101	49,3	0	0,0
3. Chăm chỉ	26	44,8	32	55,2	0	0,0	40	50,6	39	49,4	0	0,0	30	43,5	39	56,5	0	0,0	96	46,6	110	53,7	0	0,0
4. Trung thực	26	44,8	32	55,2	0	0,0	40	50,6	39	49,4	0	0,0	39	56,5	30	43,5	0	0,0	105	51	101	49,3	0	0,0
5. Trách nhiệm	28	48,3	30	51,7	0	0,0	40	50,6	39	49,4	0	0,0	39	56,5	30	43,5	0	0,0	107	51,9	99	48,3	0	0,0

* Khối 4, 5

Khối lớp	Khối 4						Khối 5						Tổng cộng					
Tổng số HS	59						61						120					
HS KT	3						2						5					
HS được đánh giá	56						59						115					
Phẩm chất	Mức đạt được						Mức đạt được						Mức đạt được					
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Yêu nước	30	53,6	26	46,4	0	0,0	32	54,2	27	45,8	0	0,0	62	53,9	53	46,1	0	0,0
2. Nhân ái	30	53,6	26	46,4	0	0,0	32	54,2	27	45,8	0	0,0	62	53,9	53	46,1	0	0,0
3. Chăm chỉ	32	57,1	24	42,9	0	0,0	35	59,3	24	40,7	0	0,0	67	58,3	48	41,7	0	0,0
4. Trung thực	32	57,1	24	42,9	0	0,0	35	59,3	24	40,7	0	0,0	67	58,3	48	41,7	0	0,0
5. Trách nhiệm	32	57,1	24	42,9	0	0,0	35	59,3	24	40,7	0	0,0	67	58,3	48	41,7	0	0,0

b) Những năng lực cốt lõi:

* Khối 1, 2, 3:

Khối lớp	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Tổng cộng	
Tổng số HS	58		80		70		208	
HS Khuyết tật	0		1		1		2	
HS được	58		79		69		206	

đánh giá																								
	<i>Mức đạt được</i>						<i>Mức đạt được</i>						<i>Mức đạt được</i>						<i>Mức đạt được</i>					
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
- Năng lực chung																								
1. Tự chủ và tự học	10	17,5	48	82,8	0	0,0	13	16,4	66	83,6	0	0,0	11	15,9	58	84,1	0	0,0	34	16,6	172	83,5	0	0,0
2. Giao tiếp và hợp tác	10	17,5	48	82,8	0	0,0	13	16,4	67	83,6	0	0,0	11	15,9	58	84,1	0	0,0	34	16,6	172	83,5	0	0,0
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	10	17,5	48	82,8	0	0,0	13	16,4	67	83,6	0	0,0	11	15,9	58	84,1	0	0,0	34	16,6	172	83,5	0	0,0
- Năng lực đặc thù			48	82,8																	172	83,5		
1. Ngôn ngữ	10	17,5	48	82,8	0	0,0	13	16,4	67	83,6	0	0,0	11	15,9	58	84,1	0	0,0	34	16,6	172	83,5	0	0,0
2. Tính toán	10	17,5	48	82,8	0	0,0	13	16,4	67	83,6	0	0,0	11	15,9	58	84,1	0	0,0	34	16,6	172	83,5	0	0,0
3. Khoa học	10	17,5	48	82,8	0	0,0	13	16,4	67	83,6	0	0,0	11	15,9	58	84,1	0	0,0	34	16,6	172	83,5	0	0,0
4. Thẩm mỹ	10	17,5	48	82,8	0	0,0	13	16,4	67	83,6	0	0,0	11	15,9	58	84,1	0	0,0	34	16,6	172	83,5	0	0,0
5. Thể chất	13	22,8	45	77,6	0	0,0	16	20,3	53	79,7	0	0,0	14	20,3	55	79,7	0	0,0	43	21	163	79	0	0,0
6. Công nghệ	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	14,5	59	85,5	0	0,0	10	14,5	59	85,5	0	0,0
7. Tin học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	14,5	59	85,5	0	0,0	10	14,5	59	85,5	0	0,0

* Khối 4,5

Khối lớp	Khối 4	Khối 5	Tổng cộng
Tổng số HS	59	61	120
<i>HS Khuyết tật</i>	3	2	5

<i>HS được đánh giá</i>	56						59						115					
Năng lực	<i>Mức đạt được</i>						<i>Mức đạt được</i>						<i>Mức đạt được</i>					
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
- Năng lực chung																		
1. Tự chủ và tự học	10	17,9	46	82,1	0	0,0	10	16,9	49	83,1	0	0,0	20	17,4	95	82,6	0	0,0
2. Giao tiếp và hợp tác	10	17,9	46	82,1	0	0,0	10	16,9	49	83,1	0	0,0	20	17,4	95	82,6	0	0,0
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	10	17,9	46	82,1	0	0,0	10	16,9	49	83,1	0	0,0	20	17,4	95	82,6	0	0,0
- Năng lực đặc thù																		
1. Ngôn ngữ	10	17,9	46	82,1	0	0,0	10	16,9	49	83,1	0	0,0	20	17,4	95	82,6	0	0,0
2. Tính toán	10	17,9	46	82,1	0	0,0	10	16,9	49	83,1	0	0,0	20	17,4	95	82,6	0	0,0
3. Khoa học	10	17,9	46	82,1	0	0,0	10	16,9	49	83,1	0	0,0	20	17,4	95	82,6	0	0,0
4. Thẩm mỹ	10	17,9	46	82,1	0	0,0	10	16,9	49	83,1	0	0,0	20	17,4	95	82,6	0	0,0
5. Thể chất	12	21,4	44	88,6	0	0,0	12	20,3	57	79,7	0	0,0	22	19,1	93	80,9	0	0,0
6. Công nghệ	10	17,9	46	82,1	0	0,0	10	16,9	49	83,1	0	0,0	20	17,4	95	82,6	0	0,0
7. Tin học	10	17,9	46	82,1	0	0,0	10	16,9	49	83,1	0	0,0	20	17,4	95	82,6	0	0,0

2.1.2) Số lượng, chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học

*** Khối 1, 2, 3**

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Tổng		
Tổng số học sinh		58		80		70		208		
HS Khuyết tật		0		1		1		2		
HS được đánh giá		58		79		69		206		
Môn học	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	
1. Tiếng Việt	HTT	11	19	13	16,4	11	15,9	35	17	
	HT	47	81	66	83,6	58	84,1	171	83	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	
2. Toán	HTT	11	19	13	16,4	11	15,9	35	17	
	HT	47	81	66	83,6	58	84,1	171	83	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	
3. Ngoại ngữ 1	HTT	x	x	x	x	11	15,9	11	15,9	
	HT	x	x	x	x	58	84,1	58	84,1	
	CHT	x	x	x	x	0	0,0	0	0,0	
4. Đạo đức	HTT	12	20,7	15	19	13	18,8	40	19,4	
	HT	46	79,3	64	81	56	81,2	166	80,6	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	
5. TN&XH	HTT	12	20,7	15	19	13	18,8	40	19,4	
	HT	46	79,3	64	81	56	81,2	166	80,6	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	
Nghệ thuật	6. Âm nhạc	HTT	12	20,7	15	19	13	18,8	40	19,4
		HT	46	79,3	64	81	56	81,2	166	80,6
		CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	7. Mỹ Thuật	HTT	12	20,7	15	19	13	18,8	40	19,4
		HT	46	79,3	64	81	56	81,2	166	80,6
		CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
8. GDTC	HTT	12	20,7	16	20,3	15	21,7	44	21,4	
	HT	46	79,3	63	79,7	54	78,3	162	78,6	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	
9. HĐTN	HTT	12	20,7	16	20,3	15	21,7	44	21,4	
	HT	46	79,3	63	79,7	54	78,3	162	78,6	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	
10. Tin học và công nghệ	HTT	x	x	x	x	13	18,8	13	18,8	
	HT	x	x	x	x	56	81,2	56	81,2	
	CHT	x	x	x	x	0	0,0	0	0,0	

*** Khối 4,5**

Khối lớp		Khối 4		Khối 5		Tổng		
Tổng số học sinh		59		61		120		
HS Khuyết tật		03		02		05		
HS được đánh giá		56		59		115		
Môn học	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	
1. Tiếng Việt	HTT	10	17,9	10	16,9	20	17,4	
	HT	46	82,1	49	83,1	95	82,6	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	
2. Toán	HTT	10	17,9	10	16,9	20	17,4	
	HT	46	82,1	49	83,1	95	82,6	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	
3. Ngoại ngữ 1	HTT	9	16,1	10	16,9	19	16,5	
	HT	47	83,9	49	83,1	96	83,5	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	
4. Đạo đức	HTT	10	17,9	10	16,9	20	17,4	
	HT	46	82,1	49	83,1	95	82,6	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	
5. Khoa học	HTT	10	17,9	10	16,9	20	17,4	
	HT	46	82,1	49	83,1	95	82,6	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	
6. LS&ĐL	HTT	10	17,9	10	16,9	20	17,4	
	HT	46	82,1	49	83,1	95	82,6	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	
Nghệ thuật	7. Âm nhạc	HTT	10	17,9	10	16,9	20	17,4
		HT	46	82,1	49	83,1	95	82,6
		CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	8. Mĩ Thuật	HTT	10	17,9	10	16,9	20	17,4
		HT	46	82,1	49	83,1	95	82,6
		CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0
9. GDTC	HTT	12	21,4	12	20,3	24	20,9	
	HT	44	80,6	47	79,7	91	79,1	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	
10. HĐTN	HTT	12	21,4	12	20,3	24	20,9	
	HT	44	80,6	47	79,7	91	79,1	
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	
11. Tin học và công nghệ	HTT	10	17,9	10	16,9	20	17,4	
	HT	46	82,1	49	83,1	95	82,6	

	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0
--	-----	---	-----	---	-----	---	-----

- Kết quả giáo dục cuối năm học khối 1, 2, 3, 4, 5

Khối lớp	TSHS Được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL	
1	58	4	6,9	7	12,1	47	81	0	0,0	
2	80	5	6,3	8	10,1	66	83,5	0	0,0	KT = 1
3	70	4	5,8	7	10,1	58	84,1	0	0,0	KT = 1
4	59	4	7,1	6	10,7	46	82,1	0	0,0	KT = 3
5	61	4	6,8	6	10,2	49	83,0	0	0,0	KT = 2
Tổng	328	21	6,5	34	10,0	268	83,5	0	0,0	KT = 7

d) Kết quả giáo dục cuối năm học:

- Hoàn thành chương trình lớp học: $269/269 = 100\%$
- Hoàn thành chương trình Tiểu học: $61/61 = 100\%$
- * Phong trào vở sạch chữ đẹp.
- Số lớp có phong trào giữ vở sạch: 13/13 lớp đạt: 100%.
- * Chỉ tiêu về thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường, trang trí lớp theo quy định.
- 100% học sinh các lớp tham gia các phong trào hoạt động tập thể.
- Thành lập 01 đội văn nghệ của nhà trường thường xuyên tập luyện với nội dung phong phú, đa dạng.
- 100% học sinh mặc sạch sẽ, gọn gàng khi đến lớp, có ý thức giữ gìn vệ sinh chung. Đội viên đeo khăn quàng đỏ vào tất cả các ngày học trong tuần.
- 100% các lớp được trang trí theo quy định (Trích thư Bác, ảnh Bác, thời khóa biểu, mẫu chữ viết, góc sáng tạo của học sinh...). Trong lớp có chậu rửa tay, khăn lau tay, giá để chậu, sọt đựng rác, chổi quét lớp, chậu hoa...
- * Hoạt động Đội thiếu niên, Sao nhi đồng.
- Danh hiệu phấn đấu đạt trong năm học.
- + Liên Đội mạnh đề nghị Hội đồng Đội tặng giấy khen.
- + Danh hiệu: Chi đội mạnh; Sao cháu ngoan Bác Hồ; Nhi đồng chăm ngoan.
- Các chỉ tiêu cơ bản.
- + Chỉ tiêu kết nạp Đội viên, các danh hiệu thi đua của Đội viên.
- 70/70 em đạt 100% nhi đồng đến tuổi được kết nạp vào đội.
- Thành lập các câu lạc bộ về Âm nhạc, mỹ thuật, thể thao...

- Nội dung hoạt động chuyên sâu về các nội dung như ca múa hát, đọc thơ, hát quan họ, hát dân ca, tập kịch. Tập vẽ theo mẫu, vẽ theo sở thích, vẽ theo chủ đề...

- Chỉ tiêu về thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường, trang trí lớp theo quy định:

+ 100% học sinh tham gia thể dục hoạt động đều đặn trong các tiết chính khóa theo phân phối chương trình và thời khóa biểu. Ngoài ra còn tổ chức cho học sinh hoạt động ngoại khóa, tổ chức cho học sinh tập luyện bài thể dục nhịp điệu. Thành lập đội điền kinh như: chạy 60m, 100m, ném bóng, nhảy dây, bắn nỏ, cầu lông, chơi cờ, bóng đá... để chuẩn bị cho kỳ thi khi xã, Sở giáo dục phát động.

+ Thành lập một đội văn nghệ thường xuyên luyện tập phục vụ cho các ngày lễ hội trong năm học, các chương trình ngoại khóa của nhà trường.

+ 100% học sinh được tham gia các hoạt động ca múa hát đầu giờ và giữa giờ thường xuyên theo lịch hoạt động của Đội.

+100% học sinh tham gia công tác vệ sinh cá nhân, vệ sinh trường, lớp.

- Hoạt động đội thiếu niên, sao nhi đồng:

+ Chủ đề thi đua tổ chức trong năm được gắn các phong trào: Nghìn việc tốt, Kế hoạch nhỏ, Em yêu lịch sử Việt Nam...; phát động trong thiếu nhi các phong trào hướng về biển đảo thân yêu của Tổ Quốc.

4- Đăng ký các danh hiệu thi đua:

a, Tập thể

+ Lớp xuất sắc 3/13 lớp = 23,76%

+ Lớp tiên tiến 10/13 lớp = 76,34%

b, Cá nhân

Stt	Tổ	T.số	Danh hiệu cá nhân			
			CSTĐ	LĐTT	HTNV	KHTNV
1	I	5	1	5	0	0
2	II	7	3	6	01	0
3	III	5	1	5	0	0
4	IV	5	2	5	0	0
5	V	4	0	4	0	0
6	VP	4	0	4	0	0
Cộng		30	7	29	01	0

- Số chi đội vững mạnh:

- Tập thể sao nhi đồng xuất sắc:

- Số gia đình nhà giáo, nhân viên công nhận có đời sống Văn hoá: 30

* Kế hoạch kiểm tra cuối học kì:

- Tổ chức cho học sinh kiểm tra giữa kì I + II đối với khối 4+5. Cuối học kì I và cuối học kì II đối với tất cả các khối lớp theo văn bản hướng dẫn của các cấp quản lý.

5- Các công tác khác (Lao động, xây dựng bảo vệ CSVN, XD trường, lớp xanh - sạch - đẹp; Các hoạt động: văn nghệ, thể dục, vệ sinh, trang trí trường lớp, công tác đội thiếu niên, sao nhi đồng)

5.1- Lao động, xây dựng bảo vệ CSVN, XD trường, lớp xanh-sạch-đẹp

- Tiếp tục lao động, xây dựng bảo vệ CSVN tạo khuôn viên nhà trường đẹp
- XD trường, lớp xanh - sạch - đẹp an toàn tích cực chăm sóc bồn hoa cây cảnh hiện có, chăm sóc tốt cây xanh đảm bảo số cây xanh đã trồng.

- Tổ chức tốt các buổi lao động tự phục vụ ở lớp 1-2; và các buổi lao động học sinh khối 3 + 4 + 5 đảm bảo an toàn chất lượng công việc tốt .

5.2- Các hoạt động: văn nghệ, thể dục, vệ sinh, trang trí trường lớp, công tác đội thiếu niên, sao nhi đồng:

- Tích cực xây dựng và duy trì tốt hoạt động văn nghệ thành lập đội văn nghệ xung kích luyện tập thường xuyên để phục vụ tốt cho hoạt động của nhà trường, đội, thực hiện tốt nề nếp hát đầu giờ, chuyên tiết, thực hiện nghiêm túc chất lượng nội dung múa hát sân trường.

- Thể dục thực hiện tốt các nội dung dạy học môn học thể dục chính khoá, tổ chức có chất lượng hoạt động thể dục buổi sáng, giữa giờ.

- Vệ sinh thực hiện tốt vệ sinh cá nhân, vệ sinh trường lớp theo khu vực đã được phân công đảm bảo luôn luôn sạch sẽ, thực hiện tốt phong trào xây dựng nhà trường "xanh - sạch - đẹp"

- Trang trí trường lớp thực hiện đúng theo qui định, trang trí lớp đảm bảo đẹp tạo môi trường học tập tốt và thân thiện đối với học sinh.

- Công tác Đội thiếu niên thực hiện tốt tạo cho học sinh yêu trường yêu lớp, thầy cô và các bạn, sinh hoạt thường xuyên, theo đúng chủ đề của năm học, thực hiện tốt điều lệ của đội.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua. Thực hiện tốt cuộc vận động

+ Thiếu niên thi đua thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy.

+ Giúp bạn đến trường, phong trào: Nghìn việc tốt.

+ Thắp sáng ước mơ Việt Nam.

- Sao nhi đồng tích cực hoạt động theo đúng lịch liên đội qui định, đảm bảo nội dung sinh hoạt thiết thực có tác dụng tích cực tới hoạt động học tập của các em .

6, Công tác kiểm tra đánh giá của phó hiệu trưởng

6.1- Công tác tư tưởng chính trị thi đua, đạo đức lối sống

- Công tác tư tưởng chính trị thi đua
- Làm tốt công tác tư tưởng chính trị thi đua, đánh giá công bằng khách quan vô tư, đúng thực chất.
- Đánh giá phẩm chất chính trị đạo đức lối sống của cán bộ giáo viên.
- Tuyên truyền tới giáo viên thực hiện tốt cuộc vận động "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh";
- Tích cực nghiêm túc thực hiện phong trào xây dựng trường học thân thiện học sinh tích cực; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tin học vào giảng dạy.

6.2- Xây dựng nội dung kiểm tra đánh giá về CM, nghiệp vụ của CBGV:

- Xây dựng tốt nội dung kiểm tra đánh giá về CM nghiệp vụ của CBGV.
- Thực hiện tốt việc kiểm tra nội bộ theo các văn bản chỉ đạo của Hiệu trưởng nhà trường.
- Cụ thể xây dựng tốt tập thể sư phạm đoàn kết có tinh thần làm chủ, tự giác trách nhiệm với công việc được giao, hết lòng vì học sinh thân yêu, vì vậy nội dung kiểm tra đánh giá về chuyên môn nghiệp vụ của CBGV tập trung vào đánh giá các hoạt động sư phạm của giáo viên. Hình thức kiểm tra đánh giá về chuyên môn nghiệp vụ được thực hiện về nội dung kiểm tra đánh giá, hình thức kiểm tra đánh giá linh hoạt sáng tạo: (định kỳ, thường xuyên, đột xuất, đánh giá chất lượng học sinh cuối giờ, về sử dụng thiết bị dạy học; ứng dụng công nghệ tin học vào giảng dạy, duy trì phong trào "giữ vở sạch viết chữ đẹp", việc chấm bài đánh giá học sinh, việc soạn bài và làm hồ sơ của GV, công tác chủ nhiệm lớp và một số nội dung trong hoạt động khác của GV.

6.3- Công tác kiểm tra đánh giá số lượng, chất lượng giáo dục:

- Trong năm học, công tác kiểm tra đánh giá số lượng, chất lượng giáo dục phần đầu thực hiện thường xuyên đảm bảo chính xác thực chất. (BGH tiến hành kiểm tra chất lượng học sinh các khối lớp theo kế hoạch).
- Công tác kiểm tra đánh giá số lượng hàng tuần hàng tháng, kiểm tra đột xuất để nắm bắt số học sinh đi học chuyên cần có biện pháp kịp thời với học sinh nghỉ học không có lý do.
- Chất lượng giáo dục được đánh giá định kỳ 4 đợt/năm học đối với khối 4+5 và 2 đợt/năm học đối với khối 1+2+3. Ngoài ra còn được kiểm tra chất lượng 1 lần/tháng từ đó phân loại học sinh có biện pháp phụ đạo tiếp theo.

IV. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP

1. Biện pháp duy trì số lượng học sinh:

1.1. Nội dung

- 100 % các lớp duy trì tốt sĩ số học sinh hiện có, không có học sinh bỏ học giữa chừng. Đặc biệt quan tâm đến những học sinh khuyết tật, học sinh nghèo...

- Giáo viên chủ nhiệm các lớp thường xuyên theo dõi báo cáo sĩ số học sinh với BGH theo từng ngày.

- Có kế hoạch kết hợp với các ban ngành đoàn thể tại địa phương để vận động các em HS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được đi học, duy trì sĩ số lớp học đạt tỉ lệ chuyên cần cao.

1.2. Giải pháp:

- Để đạt được mục tiêu huy động được 100% số học sinh trong độ tuổi ra lớp, chuyên môn nhà trường cùng ban giám hiệu cử giáo viên đến từng gia đình ở từng bản để kiểm tra học sinh trong độ tuổi huy động hết ra lớp.

- Phối hợp cùng các tổ chức đoàn thể chính quyền xã, các trưởng bản, cha mẹ học sinh với quyết tâm không để học sinh thất học.

- Tổ chức tốt các hoạt động ngoại khoá tại trường để học sinh yêu trường yêu lớp, thầy cô, bạn bè từ đó tham gia đi học chuyên cần.

- Tạo môi trường học tập thân thiện, an toàn, xanh sạch đẹp.

- Giáo viên thường xuyên quan tâm động viên giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

2. Chất lượng về giáo dục học sinh (Phẩm chất - Năng lực)

- Về chất lượng hai mặt giáo dục của học sinh. Các lớp phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu BGH nhà trường đã giao từ đầu năm học và thực hiện đúng theo cam kết.

*** Về giáo dục phẩm chất:**

- Chỉ đạo thực hiện tốt HĐGD đạo đức của từng lớp.

- Chú trọng việc hình thành nhân cách thông qua các bài học câu chuyện tạo các tình huống đạo đức để cho học sinh xử lý hàng ngày, giáo dục thông qua hoạt động tập thể, thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy và thực hiện tốt các nhiệm vụ của người học sinh.

*** Về năng lực:**

- Chỉ đạo thực hiện tốt chương trình dạy học của từng khối lớp.

- Chú trọng việc tổ chức cho hs học tập theo phương pháp đổi mới. HS được hoạt động tích cực chủ động – được chia sẻ cùng nhau thông qua sự hướng dẫn của GV từ đó HS tự tìm ra kiến thức mới .

- Chỉ đạo tốt việc bồi dưỡng HS ngay từ lớp đầu cấp theo tinh thần của chương trình đổi mới.

a. Nhiệm vụ.

- GV-CNVC phải rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống đúng đắn, trong sáng đoàn kết, sống và làm việc theo quy chế nhà trường, theo pháp luật, phải là tấm gương cho học sinh noi theo.

- Trong giảng dạy giáo viên phải thực hiện tốt quy chế chuyên môn, thực hiện nghiêm túc kế hoạch dạy học. Thực hiện nghiêm túc chương trình, phương pháp đổi mới.

- Nêu cao tinh thần làm việc có trách nhiệm thực hiện có hiệu quả cuộc vận động hai không trong giảng dạy.

- Có ý thức trong việc tự bồi dưỡng và tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, không ngừng nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức và trình độ sư phạm.

b. Giải pháp để thực hiện mục tiêu.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ của tổ chuyên môn và nhà trường.

- Tổ chức cho GV-CNVC học tập điều lệ trường tiểu học, quy chế nhà trường, thảo luận phương hướng nhiệm vụ năm học.

- Phân công giảng dạy và công tác phù hợp với khả năng của GV.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và phụ đạo học sinh ngay từ đầu năm học

- Thực hiện dự giờ thăm lớp tổ chức thao giảng, thi đua dạy tốt – học tốt chào mừng các ngày lễ trong năm học.

- Giao cho các tổ phân công giáo viên, giúp đỡ giáo viên yếu và bồi dưỡng giáo viên giỏi theo kế hoạch.

- Tổ chức thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch và theo đúng các văn bản chỉ đạo của các cấp quản lý về công tác BDTX.

- Thực hiện nghiêm túc và đúng trong kiểm tra, đánh giá GV.

4- Các công tác khác

a, Lao động, xây dựng bảo vệ CSVC, XD trường, lớp xanh - sạch-đẹp

- Xây dựng kế hoạch lao động sớm phù hợp với từng giai đoạn của năm học. Khi triển khai cần có kiểm tra đánh giá sản phẩm cuối cùng là hiệu quả công việc.

- Xây dựng bảo vệ CSVC, XD trường, lớp xanh - sạch - đẹp an toàn. Thường xuyên kiểm tra nhắc nhở việc bảo quản sơ sở vật chất trường lớp.

- Giao số bồn hoa, cây xanh, khu vực vệ sinh tới từng giáo viên chủ nhiệm lớp và lớp học sinh để mỗi thành viên có ý thức chăm sóc bảo vệ thường xuyên để số bồn hoa, cây xanh và khu vực vệ sinh luôn tươi sáng sạch sẽ.

b, Các hoạt động: văn nghệ, thể dục, vệ sinh, trang trí trường lớp, công tác đội thiếu niên, sao nhi đồng.

* Các HĐ thể dục vệ sinh, trang trí trường lớp. Công tác đội thiếu niên, sao nhi đồng.

- Thực hiện nghiêm túc việc Chào cờ và hát Quốc ca vào thứ 2 hàng tuần theo quy định tại Công văn số 1525/BGDĐT-CTHSSV ngày 29/3/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tổ chức múa hát tập thể, các trò chơi dân gian trong các giờ ra chơi và các các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

- Hoạt động văn nghệ: Chỉ đạo tốt các hoạt động văn nghệ như hát đầu giờ, hát chuyên tiết, hoạt động văn nghệ chào mừng – công diễn vào các ngày lễ lớn.

- Các hoạt động TD-VS: Thường xuyên chỉ đạo XD tốt hoạt động TD, vệ sinh.

- Kiện toàn sớm bộ máy hoạt động của Liên đội theo quy định.

- Có tiêu chí đánh giá cụ thể trên bảng thi đua công khai tới từng ngày, tuần và tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm.

- Có tiêu chí quy định về công tác trang trí lớp và hướng dẫn việc trang trí đảm bảo lớp đẹp, tạo điều kiện cho việc dạy và học đạt kết quả tốt .

- Xây dựng tốt đội tuyển các môn điền kinh - thể dục, thể thao để tạo nguồn tham gia thi cấp huyện cấp tỉnh đạt thành tích cao góp phần vào nhiệm vụ giáo dục toàn diện cho học sinh trong năm học .

- Xây dựng đội cờ đỏ sao đỏ sinh hoạt đội theo lịch- chủ đề.

- Trên đây là kế hoạch hoạt động chuyên môn của trường PTDTBT TH Nậm Ngám trong năm học 2025-2026. Yêu cầu các tổ chuyên môn, giáo viên toàn trường nghiên cứu và thực hiện nghiêm túc kế hoạch đã đề ra.

V. ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH

.....
.....
.....

Nậm Ngám, ngày 03 tháng 9 năm 2025

NGƯỜI LẬP K/HOẠCH



Lò Thị Mai

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đức Long

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN CÁC THÁNG
NĂM HỌC 2025-2026

Tháng	Mốc thời gian chính	Nội dung thi đua, tổ chức các kỳ thi HS giỏi; GV dạy giỏi (cấp trường, huyện tỉnh); VSCĐ; Hồ sơ giáo án tốt, ĐDDH, SKKN, kiểm tra học kỳ, kiểm tra công nhận hoàn thành chương trình. Công tác bồi dưỡng thường xuyên.	Điều chỉnh bổ sung
9	08-30/9/2025	- Tổ chức khai giảng 5/9;	
		- Thực hiện soạn giảng tuần 1 từ 08/9/2025	
		- Kiểm tra chất lượng học sinh đầu năm	
		- Hoàn thiện hồ sơ sổ sách của trường, tổ và GV.	
		- Bàn giao chất lượng học sinh và cam kết CL	
		- Duyệt kế hoạch chuyên môn của các tổ.	
		- Hoàn thiện thống kê báo cáo đầu năm học	
		- Kiểm tra các hoạt động đầu năm học	
10	01–31/10/2025	- Các lớp duy trì tốt số lượng học sinh hiện có	
		- Duyệt kế hoạch dạy học tuần của tổ trưởng.	
		- Sinh hoạt chuyên cấp tổ, chuyên đề các cấp	
		- Thao giảng chào mừng các ngày lễ	
		- Tổ chức tọa đàm chào mừng ngày PNVN 20/10	
		- Duy trì các HĐ phong trào, rèn KN sống cho HS	
		- Tổ chức các phong trào thi đua cấp trường	
		- Sinh hoạt chuyên môn cấp Tổ và Trường	
11	03-28/11/2025	- Duyệt các loại kế hoạch của tổ chuyên môn.	
		- Duy trì tốt số lượng HS hiện có	
		- Tiếp tục thao giảng chào mừng ngày lễ 20/11	
		- Tổ chức các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt chào mừng 43 năm ngày HGVN 20/11/2025	

		- Tăng cường BD và PD cho các em học sinh.	
		- Tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	
		- Kiểm tra HSSS giáo viên và chất lượng HS	
		- KTĐK giữa kì I khối 4+5.	
12	01-31/12/2025	- Duyệt các loại kế hoạch của tổ chuyên môn.	
		- Tăng cường BGHS và PDHS	
		- Sinh hoạt chuyên môn cấp Tổ và Trường	
		- Hợp hội đồng và sinh hoạt chuyên môn trường	
		- Ôn tập chuẩn bị KTĐK lần I	
		- Tổ chức cho học sinh kiểm tra định kì cuối I	
		- Hoàn thiện các loại HSSS theo quy định.	
01	02-30/01/2026	- Các lớp duy trì tốt số lượng HS hiện có.	
		- Duyệt kế hoạch dạy học tuần của tổ trưởng.	
		- Thống kê, báo cáo cuối kì I.	
		- Tổ chức thi viết chữ đẹp cấp trường	
		- Luyện tập các tiết mục VN chào xuân mới 2026	
		- Tái giảng học kì II ngày 12/01/2026.	
		- Phát động các phong trào thi đua trong học kì II	
		- Sinh hoạt chuyên môn cấp Tổ và Trường	
- Kiểm tra công tác BD và PD học sinh			
02	02-27/2/2026	- Nghỉ tết nguyên đán đảm bảo AT và tiết kiệm.	
		- Ôn định nề nếp dạy và học sau nghỉ tết	
		- Tăng cường công tác bồi dưỡng và phụ đạo HS	
		- Kiểm tra hồ sơ của giáo viên các tổ khối.	
		- Duyệt kế hoạch dạy học tuần của tổ trưởng.	
		- Sinh hoạt chuyên môn cấp Tổ và Trường	
		- Kiểm tra các hoạt động sau tết Nguyên Đán.	

3	02-31/3/2026	- Thi đua lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn	
		- Phát động các PTTĐ chào mừng ngày 8/3; 26/3	
		- Tổ chức KTĐK giữa kì II khối lớp 4+5	
		- Tăng cường công tác Bồi dưỡng và PD học sinh.	
		- Kiểm tra hồ sơ của giáo viên các tổ khối.	
		- Tổ chức “Giao lưu toán tuổi thơ” cấp trường	
4	01-29/4/2026	- Kiểm tra hồ sơ chuyên môn các tổ khối	
		- Duyệt kế hoạch dạy học tuần của tổ trưởng.	
		- Các khối lớp duy trì và đảm bảo sĩ số HS.	
		- Tổ chức “Giao lưu toán tuổi thơ” cấp huyện	
		- Tăng cường công tác bồi dưỡng và phụ đạo HS	
		- Tổ chức tuyên truyền về ngày GPMN 30/4/2026.	
		- Lao động vệ sinh trường, lớp học.	
		- Duy trì và đảm bảo sĩ số HS các khối lớp	
5	04-29/5/2026	- Kiểm tra hồ sơ chuyên môn và học bạ của HS. Chuẩn bị bàn giao chất lượng HS.	
		- Tổ chức KTĐK cuối năm học.	
		- Xét hoàn thành chương trình tiểu học.	
		- Hoàn thiện các biểu mẫu thống kê.	
		- Duyệt hồ sơ HS cuối năm.	
		- Bàn giao chất lượng HS các khối lớp	
		- GVCN các khối lớp trả ĐDDH	
		- Bàn giao các loại hồ sơ chuyên môn	
		- Bàn giao CSVC các lớp học tại điểm bản.	
		- Tổng kết năm học.	